

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

KHÓ KHĂN TRONG KĨ NĂNG NGHE HIỂU CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP

NGUYỄN THỊ QUÝ*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định những khó khăn chủ yếu mà sinh viên gặp phải trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh. Khảo sát được tiến hành với 286 sinh viên năm thứ hai thuộc Khoa Công nghệ Hóa, Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kết quả cho thấy, yếu tố “sự xuất hiện của nhiều từ vựng, biệt ngữ và thành ngữ không quen thuộc” là trở ngại lớn nhất đối với sinh viên khi nghe hiểu tiếng Anh. Tiếp đến, các yếu tố “phát âm chưa chuẩn” và “không nhận biết được các từ đơn khi hiện tượng nối âm hoặc nuốt âm xảy ra” cũng gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng nghe hiểu của người học. Ngược lại, yếu tố “trang thiết bị và cơ sở vật chất kém chất lượng” được đánh giá là có mức độ ảnh hưởng thấp nhất. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai Khoa Công nghệ Hóa, Đại học Công nghiệp Hà Nội.

TỪ KHÓA: Khó khăn nghe hiểu; sinh viên; tiếng Anh không chuyên; Khoa Công nghệ Hóa; Đại học Công nghiệp Hà Nội.

NHẬN BÀI: 25/09/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/12/2025

1. Đặt vấn đề

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng, kĩ năng nghe hiểu tiếng Anh được xem như một quá trình nhận thức có tính tương tác, nơi người học tiếp nhận, phân tích và kiến tạo ý nghĩa từ ngôn ngữ nói bằng cách kết hợp giữa tri thức ngôn ngữ, kiến thức nền và các yếu tố ngữ cảnh. Theo Vandergrift (2007) và Rost (2011), nghe hiểu là một quá trình tư duy chủ động, đòi hỏi người nghe không chỉ nhận diện âm thanh, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp mà còn phải diễn giải được ý định giao tiếp của người nói trong bối cảnh cụ thể. Như vậy, kĩ năng nghe hiểu được xem là một năng lực ngôn ngữ có tính nhận thức cao, yêu cầu người học phải huy động đồng thời các năng lực ngôn ngữ, tư duy và chiến lược giao tiếp. Các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng nghe hiểu trong quá trình học ngoại ngữ là một kĩ năng mang tính giải quyết vấn đề phức tạp, trong đó người học cần hình thành giả thuyết và suy luận dựa trên hiểu biết ngôn ngữ cũng như bối cảnh giao tiếp. Nghe hiểu đóng vai trò quan trọng trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ, không chỉ dừng lại ở việc nhận diện âm thanh mà còn bao gồm việc xử lý, phân tích và diễn giải thông tin để rút ra ý nghĩa, đồng thời liên hệ với tri thức sẵn có. Ngoài ra, kĩ năng nghe hiểu còn góp phần mở rộng vốn từ vựng, nâng cao năng lực ngôn ngữ, cải thiện phát âm và hỗ trợ phát triển kĩ năng nói. Có thể khẳng định rằng nghe hiểu là con đường nền tảng giúp người học tiếp cận sớm nhất với ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng bản ngữ.

Tại Việt Nam, khi học nghe tiếng Anh, người học có xu hướng dịch trực tiếp nội dung sang tiếng Việt để hiểu từng câu, từng từ, đồng thời cố gắng ghi nhớ toàn bộ thông tin được nghe. Cách tiếp cận này khiến người học gặp khó khăn trong việc xác định trọng tâm của bài nghe, không phân biệt được đâu là thông tin chính cần nắm bắt và đâu là chi tiết phụ có thể lược bỏ. Hệ quả là việc hiểu sai mục tiêu của kĩ năng nghe dẫn đến tâm lí căng thẳng, mệt mỏi và thiếu hứng thú trong giờ học. Bên cạnh đó, một số giảng viên vẫn duy trì phương pháp giảng dạy truyền thống, chú trọng vào việc truyền thụ kiến thức hơn là khuyến khích người học chủ động và sáng tạo trong quá trình nghe hiểu. Điều này phần nào làm suy giảm động lực học tập của sinh viên. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan như cơ sở vật chất chưa được đầu tư đầy đủ, sĩ số lớp học quá đông, cùng với tiếng ồn từ môi trường xung quanh cũng tạo ra những trở ngại đáng kể, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả tiếp thu kiến thức của người học. Trước thực trạng này, bài viết này tập trung phân tích và đánh giá những khó khăn mà

*Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội; Email: quynt@hau.edu.vn

sinh viên năm thứ hai không chuyên tiếng Anh tại Khoa Công nghệ Hóa - Đại học Công nghiệp Hà Nội gặp phải trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu.

2. Cơ sở lý thuyết

Theo Hasan (2010), nghe hiểu là một quá trình tương tác hai chiều giữa người nghe và văn bản nghe, trong đó sự tương tác này giúp người nghe hình thành nhận thức khái quát về nội dung được nghe. Quá trình này diễn ra khi người nghe chọn lọc và diễn giải thông tin thu nhận được thông qua cơ quan thính giác kết hợp với các dấu hiệu trực quan, nhằm hiểu được thông điệp của người nói. Tương tự, Anderson và Lynch (2022) cho rằng nghe hiểu là khả năng nắm bắt ý nghĩa của lời nói, trong đó người nghe đóng vai trò chủ động khi vận dụng kiến thức nền và kinh nghiệm ngôn ngữ để phân tích, suy luận và diễn giải phát ngôn của người nói. Richards (1983) mô tả nghe hiểu như một quá trình tiếp nhận và xử lý ngôn ngữ nói ở cả ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai, bao gồm hai cơ chế nhận thức song song: quá trình từ trên xuống (top-down) - sử dụng kiến thức sẵn có để hiểu nội dung, và quá trình từ dưới lên (bottom-up) - dựa trên các tín hiệu ngôn ngữ để giải mã ý nghĩa. Theo Rost (2002), để hiểu lời nói, người nghe cần phân biệt âm thanh, hiểu từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, xác định trọng âm và dụng ý giao tiếp của người nói, đồng thời liên hệ thông tin trong ngữ cảnh văn hóa - xã hội để đạt được sự hiểu biết toàn diện. Tổng hợp các quan điểm trên, có thể khẳng định rằng nghe hiểu là một kỹ năng ngôn ngữ phức tạp, không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận âm thanh, mà còn bao gồm quá trình xử lý, phân tích và diễn giải thông tin nhằm lĩnh hội trọn vẹn thông điệp giao tiếp. Brown (1992) cũng đồng tình với nhận định này khi cho rằng, trong quá trình nghe hiểu, quá trình từ trên xuống xảy ra khi người học sử dụng kiến thức nền và vốn từ vựng để nắm bắt nội dung, trong khi quá trình từ dưới lên được vận dụng để suy đoán nghĩa của các yếu tố ngôn ngữ mới dựa vào ngữ cảnh của bài nghe.

Một số nhà nghiên cứu đã phát hiện ra nhiều khó khăn trong kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên và có thể nhóm chung thành những nhóm khó khăn như sau:

(1) Những trở ngại trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh chủ yếu xuất phát từ tốc độ nói nhanh và đặc điểm ngữ điệu đặc thù của người nói.

Buck (2001) cho rằng việc người học phải tiếp xúc với những giọng nói không quen thuộc có thể làm gián đoạn quá trình xử lý thông tin, gây cản trở trong việc nắm bắt nội dung thông điệp. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc người học ngoại ngữ thường xuyên tiếp xúc với giọng của giáo viên hoặc các tài liệu học tập sử dụng chuẩn giọng Anh - Anh và Anh - Mỹ. Theo Flowerdew và Miller (2013) cùng với Taguchi (2008), tốc độ nói nhanh của người bản ngữ là một trong những rào cản lớn đối với người học tiếng Anh, bởi họ không có đủ thời gian để xử lý các yếu tố ngôn ngữ như từ vựng và ngữ pháp, dẫn đến việc bỏ sót thông tin quan trọng. Bên cạnh đó, đặc điểm giọng nói và phong cách diễn đạt của người nói cũng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả nghe hiểu. Pica, Young và Doughty (1987) chỉ ra rằng các hiện tượng ngôn ngữ tự nhiên trong lời nói như ngập ngừng, nói lắp hoặc ngắt quãng có thể khiến người nghe không phải bản ngữ hiểu sai nội dung. Như vậy, mặc dù các đặc trưng tự nhiên của lời nói là yếu tố phổ biến trong giao tiếp hằng ngày, song chúng lại trở thành thách thức đáng kể đối với người học trong quá trình tiếp nhận và diễn giải thông tin bằng ngoại ngữ.

(2) Những trở ngại trong quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin nghe bằng tiếng Anh bắt nguồn từ sự hạn chế về kiến thức ngữ pháp, vốn từ vựng, hiểu biết văn hóa, cũng như từ mức độ hứng thú và động lực học tập của người học.

Nghiên cứu của Pica, Young và Doughty (1987) cho thấy rằng hạn chế về vốn từ vựng là một trong những yếu tố cản trở đáng kể đối với người học trong quá trình nghe hiểu. Theo Vogely (1998), những khó khăn trong kỹ năng này phần nào bắt nguồn từ đặc điểm cấu trúc của văn bản nghe. Anderson và Lynch (1988) nhấn mạnh rằng việc nắm vững các cấu trúc ngữ pháp của tiếng Anh giúp người học xác định được ý nghĩa tổng thể của văn bản. Tương tự, Paran (1996) cho rằng để hiểu một văn bản nghe, người học cần nhận diện được ít nhất 50% số lượng từ vựng xuất hiện trong đó. Việc hiểu nghĩa của từ không chỉ hỗ trợ người học trong quá trình giải mã thông tin mà còn góp phần khơi gợi hứng thú, nâng cao động lực học tập, từ đó cải thiện khả năng nghe hiểu. Mặc dù nhiều công trình

nguyên cứu đã khẳng định mối liên hệ giữa cấu trúc ngữ pháp phức tạp với kỹ năng đọc và viết, song vai trò trực tiếp của kiến thức ngữ pháp đối với kỹ năng nghe hiểu vẫn còn là vấn đề gây tranh luận. Mackey và Gass (2005) cho rằng kiến thức ngữ pháp không có đóng góp đáng kể vào khả năng nghe hiểu, trong khi vốn từ vựng lại đóng vai trò trung tâm trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai. Bên cạnh đó, kiến thức nền và hiểu biết văn hóa cũng là những yếu tố quan trọng hỗ trợ người học trong việc xử lý thông tin nghe. Phần lớn người học gặp khó khăn khi tiếp xúc với các chủ đề không quen thuộc. Hayati (2010) nhận định rằng sự thiếu hụt kiến thức về ngữ cảnh có thể làm giảm hiệu quả của quá trình nghe hiểu. Cùng quan điểm đó, Anderson và Lynch (1988) khẳng định rằng khả năng nghe hiểu phụ thuộc đáng kể vào vốn kiến thức nền và mức độ quen thuộc của người nghe đối với nội dung nghe. Theo Yagang (1993), nghe hiểu là một quá trình nhận thức phức tạp chứ không đơn thuần là hoạt động tiếp nhận âm thanh. Người học thường thể hiện khả năng hiểu tốt hơn khi đọc, song hiệu quả này giảm đáng kể trong quá trình nghe do các yếu tố tâm lý như căng thẳng hoặc thiếu hứng thú. Khi thiếu động lực, người nghe dễ mất tập trung và nhanh chóng quên thông tin vừa tiếp nhận. Do đó, động lực và hứng thú học tập được xem là những yếu tố tâm - sinh lý có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng nghe hiểu khi bị suy giảm. Ngoài ra, khi phải tiếp nhận các chủ đề xa lạ với kinh nghiệm cá nhân, người học thường gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung và xử lý thông tin. Phát âm, được xem như “lớp vỏ của ngôn ngữ” (Naizhao & Wills, 2006), là một thành tố thiết yếu cần được tiếp thu chính xác để phát triển kỹ năng nghe. Nghiên cứu của Chen (2005) cũng chỉ ra rằng người học ở trình độ sơ cấp thường gặp khó khăn trong việc nhận diện và phân biệt các âm riêng lẻ cũng như các hiện tượng nối âm trong lời nói tự nhiên.

(3) Những trở ngại gặp phải trong kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh chủ yếu bắt nguồn từ mức độ phức tạp về nội dung và độ dài của tài liệu nghe:

Theo Taguchi (2008), một trong những yếu tố gây trở ngại đối với người học trong quá trình nghe hiểu là sự xuất hiện của các phát ngôn hàm ẩn trong bài nghe. Việc giải mã những phát ngôn này đòi hỏi người học phải vận dụng khả năng suy luận cùng với vốn hiểu biết nền tảng sâu rộng. Bên cạnh đó, việc sử dụng tiếng lóng trong các đoạn hội thoại đời thường cũng được xem là một thách thức đáng kể, bởi các đoạn độc thoại hoặc đối thoại trong giao tiếp hằng ngày thường chứa nhiều từ ngữ phi chuẩn, gây khó khăn cho người học vốn quen với ngôn ngữ chuẩn mực trong sách vở. Brown (1992) cho rằng người học không phải bản ngữ, do chủ yếu tiếp xúc với ngôn ngữ viết và ngôn ngữ học thuật, thường gặp trở ngại trong việc hiểu các biểu đạt phi chuẩn, đặc biệt là tiếng lóng. Theo Rost (2002), độ dài của văn bản nghe cùng với mật độ thông tin cao có thể làm gia tăng mức độ khó khăn trong việc xử lý và ghi nhớ nội dung. Đồng thời, cấu trúc cú pháp phức tạp trong bài nghe cũng được xem là yếu tố cản trở việc nắm bắt thông tin hiệu quả (Pica, Young & Doughty, 1987). Đối với sinh viên Khoa Công nghệ Hóa - Đại học Công nghiệp Hà Nội, phần lớn được học tiếng Anh với giáo viên không phải người bản ngữ từ bậc trung học, nên khi tiếp xúc với các đoạn hội thoại thân mật, tự nhiên, họ thường gặp nhiều khó khăn hơn so với khi nghe các đoạn hội thoại trang trọng trong môi trường học thuật. Hệ quả là người học khó có thể lĩnh hội trọn vẹn nội dung của bài nghe. Ngoài ra, việc không nhận diện được các phương tiện liên kết như từ nối, cụm từ dẫn dắt hay các biểu thức mở đầu câu cũng ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng hiểu bài nghe. Bên cạnh các yếu tố ngôn ngữ, chất lượng âm thanh và môi trường nghe cũng đóng vai trò quan trọng. Seferoglu và Uzgoren (2004) nhấn mạnh rằng chất lượng ghi âm kém là một trong những nguyên nhân phổ biến khiến người học gặp khó khăn trong quá trình nghe hiểu. Nhiều sinh viên cho rằng việc sử dụng băng, đĩa hoặc tệp âm thanh có chất lượng thấp làm suy giảm khả năng tập trung và hiểu nội dung. Tiếng ồn từ môi trường bên ngoài hoặc từ chính bản ghi âm cũng gây phân tán sự chú ý, làm giảm hiệu quả tiếp nhận thông tin. Theo Chetchumlong (1987), việc thiếu cơ hội tiếp xúc với các dạng văn bản nói đa dạng cùng với sự hạn chế về thiết bị hỗ trợ nghe, đặc biệt ở khu vực nông thôn, là những yếu tố góp phần làm giảm hiệu quả nghe hiểu của người học. Hơn nữa, chất lượng của tài liệu nghe cũng được xác định là nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến kết quả nghe hiểu. Rubin và Thompson (1994) cho rằng việc nghe trong môi trường có nhiều tiếng ồn hoặc chất lượng âm thanh

kém ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tập trung, khiến người học dễ bị phân tâm và giảm hiệu suất nghe hiểu.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện ở Khoa Công nghệ Hóa - Đại học Công nghiệp Hà Nội, trong bối cảnh sinh viên năm thứ hai thuộc các chuyên ngành không chuyên ngữ tham gia học phần tiếng Anh bắt buộc. Phương pháp nghiên cứu được áp dụng là phương pháp hỗn hợp, kết hợp giữa định tính và định lượng nhằm đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả. Trong giai đoạn nghiên cứu định tính, nhóm nghiên cứu đã thực hiện các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với sinh viên năm thứ hai thuộc hệ không chuyên nhằm xác định những khó khăn chủ yếu mà họ gặp phải trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh, đồng thời khám phá các chiến lược hoặc biện pháp mà sinh viên đang sử dụng để nâng cao kỹ năng này.

Kết quả các cuộc phỏng vấn cho thấy có bốn nhóm khó khăn chính ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu của sinh viên, bao gồm: (1) yếu tố thuộc về người nghe, (2) yếu tố thuộc về người nói, (3) đặc điểm của văn bản nghe và (4) yếu tố thuộc về môi trường lớp học. Trên cơ sở bốn nhóm khó khăn được xác định, nhóm nghiên cứu triển khai khảo sát định lượng bằng bảng hỏi nhằm xác định mức độ phổ biến của từng loại khó khăn. Công cụ khảo sát được sử dụng là bảng câu hỏi của Hamouda (2013), được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh nghiên cứu.

Bảng hỏi gồm 28 mục, được xây dựng nhằm đánh giá các khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghe của ngôn ngữ thứ hai. Bên cạnh đó, ba câu hỏi bổ sung được thiết kế để khảo sát nhận thức chung của người học về việc học kỹ năng nghe, đồng thời giúp họ tự đánh giá năng lực nghe hiểu của bản thân. 25 câu còn lại nhằm tìm hiểu bốn nhóm khó khăn: khó khăn từ người nói (8 item); khó khăn từ người nghe (7 item); khó khăn từ văn bản nghe (6 item); khó khăn từ môi trường học (4 item). Có 4 phương án trả lời cho mỗi mệnh đề hỏi, từ 1 (không khó khăn đến 4 (rất khó khăn nhất). Các mệnh đề được xây dựng theo thang Likert 4 bậc: không khó khăn (1 điểm); ít khó khăn (2 điểm); khó khăn (3 điểm) và rất khó khăn (4 điểm). Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (4-1)/4 = 0,75. Ý nghĩa các mức như sau: 1,00 - 1,75: không khó khăn (mức thấp); 1,76 - 2,51: ít khó khăn (mức trung bình); 2,52 - 3,27: khó khăn (mức cao); 3,28 - 4,0: rất khó khăn (mức rất cao). Thang đo đảm bảo độ tin cậy với Cronbach's Alpha = 0,84. Trong quá trình sinh viên trả lời bảng hỏi, người nghiên cứu giải đáp mọi thắc mắc phát sinh của sinh viên nhằm tránh mọi hiểu lầm, mơ hồ. Số phiếu phát ra là 293 phiếu, thu về 286 phiếu. Phần mềm SPSS 20.0 được sử dụng để xử lý số liệu thu được từ bảng khảo sát.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá tổng quan về các yếu tố gây khó khăn trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên

Bảng 1. Tổng hợp các nhóm khó khăn ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên

STT	Các yếu tố gây cản trở học tiếng Anh khi nghe hiểu	ĐTB	ĐLC
1	Từ người nói trong văn bản nghe	2,78	0,79
2	Từ bản thân người học	2,69	0,75
3	Từ tài liệu nghe	2,91	0,78
4	Từ môi trường xung quanh	2,21	0,74
ĐTB chung		2,64	0,76

Bảng 1 cho thấy, các yếu tố gây cản trở học tiếng Anh khi nghe hiểu của sinh viên ở mức cao (ĐTB = 2,64). Trong 4 biểu hiện khó khăn trong việc nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên, ba biểu hiện khó khăn “Từ tài liệu nghe”, “Từ phía người nói trong bài nghe” và “Từ bản thân người học” đều ở mức cao, chỉ có biểu hiện khó khăn “Từ môi trường xung quanh” là ở mức trung bình. Điều này phản ánh trong quá trình học nghe hiểu tiếng Anh sinh viên có gặp nhiều khó khăn từ người dạy, tài liệu học tập, về bản thân. Vì vậy, giảng viên giảng dạy học phần nghe hiểu cần sử dụng giọng nói dễ

nghe, to rõ ràng, truyền cảm trong bài nghe của sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên cách khai thác và sử dụng hiệu quả các tài liệu nghe, giúp họ dễ dàng tiếp cận và nâng cao khả năng nghe hiểu. Đồng thời, sinh viên cũng cần chủ động mở rộng vốn từ vựng, rèn luyện phát âm và ngữ pháp, đồng thời hình thành sự tự tin cùng những thói quen học tập tích cực trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghe hiểu khi học ngoại ngữ.

4.2. Các trở ngại nghe hiểu bắt nguồn từ các đặc điểm của người nói trong văn bản nghe

Bảng 2. Nhóm yếu tố gây trở ngại bắt nguồn từ người nói diễn ra ở quá trình nghe hiểu

Khó khăn xuất phát từ phía người nói	M	SD
Tốc độ nói của người nói quá nhanh, khiến người nghe khó theo kịp nội dung.	3,02	0,66
Người nói sử dụng ngữ điệu hoặc giọng nói không quen thuộc, gây khó khăn cho sinh viên trong việc nhận diện và hiểu ý.	2,90	0,79
Bài nghe có sự tham gia của nhiều người nói, làm cho người nghe khó phân biệt và theo dõi nội dung.	2,49	0,82
Người nghe gặp trở ngại trong việc phân biệt và nhận diện các âm cuối của từ.	2,82	0,84
Các hiện tượng nối âm hoặc nuốt âm khiến người nghe không nhận ra được các từ đơn.	3,26	0,83
Người nghe khó phân biệt giữa các từ mang nghĩa và các từ chức năng trong câu.	2,62	0,84
Người nghe không nhận diện được các từ hoặc cụm từ đóng vai trò là dấu hiệu chuyển ý.	2,46	0,88
Việc người nói sử dụng tiếng lóng gây cản trở cho quá trình hiểu nội dung bài nghe.	2,72	0,76
	2,78	0,80

(Nguồn: Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện 2024)

Dữ liệu trong Bảng 2 cho thấy hai yếu tố gây cản trở đáng kể nhất đối với sinh viên trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh là hiện tượng nối âm hoặc nuốt âm, khiến người nghe khó nhận diện các từ đơn, và tốc độ nói quá nhanh của người nói, làm cản trở khả năng theo dõi nội dung. Giá trị trung bình tương ứng của hai yếu tố này lần lượt là $M = 3,26$ và $M = 3,02$. Ngược lại, yếu tố gây khó khăn ở mức thấp nhất được ghi nhận là việc người nghe không nhận biết được các từ hoặc cụm từ mang chức năng chuyển ý ($M = 2,46$). Kết quả này cho thấy tốc độ nói nhanh cùng hiện tượng nối/nuốt âm là những trở ngại chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng nghe hiểu của sinh viên, trong khi việc nhận diện các từ chuyển ý chỉ có tác động ở mức hạn chế. Dữ liệu thu được từ phỏng vấn định tính cũng củng cố cho xu hướng này. Những phát hiện trên tương đồng với kết quả nghiên cứu của Flowerdew và Miller (2013), Yagang (1993) và Hayati (2010), khi các tác giả đều chỉ ra rằng tốc độ nói nhanh là yếu tố cản trở đáng kể nhất đối với người học tiếng Anh trong quá trình nghe hiểu.

4.3. Những trở ngại trong quá trình nghe hiểu xuất phát từ phía người học.

Bảng 3. Nhóm các yếu tố gây khó khăn bắt nguồn từ chính người học

Khó khăn xuất phát từ bản thân người học	M	SD
Tôi gặp khó khăn do vốn từ vựng hạn chế.	2,80	0,83
Tôi thiếu kiến thức nền liên quan đến chủ đề của bài nghe.	2,51	0,70
Cảm thấy áp lực và hồi hộp khi thực hiện hoạt động nghe tiếng Anh.	2,01	0,78
Khó duy trì sự tập trung trong quá trình nghe.	2,41	0,71
Khả năng phát âm của tôi chưa tốt, ảnh hưởng đến việc nhận diện từ vựng khi nghe.	3,34	0,84
Tôi gặp khó khăn trong việc suy đoán và dự đoán nội dung bài nghe.	2,60	0,74
Tôi chưa hình thành được thói quen nghe một cách chủ động và hiệu quả.	3,20	0,70

	2,69	0,75
--	------	------

(Nguồn: Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện 2024)

Dựa trên số liệu trình bày trong Bảng 3, nhóm nghiên cứu nhận thấy hai yếu tố gây trở ngại đáng kể nhất đối với người học là hạn chế trong phát âm và thói quen nghe chưa hiệu quả, với giá trị trung bình tương ứng là $M = 3,34$ và $M = 3,20$. Kết quả này cho thấy sinh viên vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc phát âm tiếng Anh và chưa hình thành được thói quen nghe một cách hiệu quả. Kết quả trên cũng tương đồng với nghiên cứu của Yagang (1993) và Vogely (1998), khi họ nhận ra rằng yếu tố phát âm là khó khăn gặp phải lớn nhất khi sinh viên học tiếng Anh. Qua phỏng vấn, sinh viên năm thứ hai N.T.T.T. cho biết: “Khi học tiếng Anh, em gặp nhiều khó khăn như từ vựng còn thiếu, thói quen học chưa tốt, phát âm chưa chuẩn, kiến thức còn hạn chế, thói quen chưa tốt khi nghe,... trong đó yếu tố phát âm và thói quen nghe chưa tốt là khó khăn lớn nhất”. Cô giáo T.T.Q. cũng chia sẻ, trong giờ học tiếng Anh, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc phát âm từ, câu, ngữ pháp. Những thói quen phát âm tiếng địa phương và đoán từng từ khi nghe làm cho các em nghe chưa hiệu quả.

4.4. Những trở ngại trong quá trình nghe hiểu bắt nguồn từ nội dung của tài liệu nghe

Dựa trên số liệu trình bày trong Bảng 4, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng phần lớn sinh viên tham gia khảo sát gặp nhiều trở ngại khi bài nghe chứa số lượng lớn từ vựng, biệt ngữ và thành ngữ không quen thuộc; khi nội dung sử dụng cấu trúc ngữ pháp phức tạp; hoặc khi có sự xuất hiện của các yếu tố âm thanh gây nhiễu và làm giảm khả năng tập trung. Những thách thức này chủ yếu xuất phát từ đặc điểm ngôn ngữ của tiếng Anh, đặc biệt là sự phong phú về từ vựng và cách diễn đạt tự nhiên của người bản ngữ. Bên cạnh đó, hạn chế về năng lực tiếng Anh của sinh viên cùng với việc ít có cơ hội tiếp xúc với giọng nói và phong cách ngôn ngữ của người bản xứ cũng là nguyên nhân khiến họ gặp trở ngại trong việc hiểu và ghi nhớ thông tin nghe. Ngôn ngữ tự nhiên của người bản xứ thường tạo ra rào cản đáng kể đối với người học ngoại ngữ trong quá trình lĩnh hội nội dung. Nhận định này phù hợp với quan điểm của Brown (1992), người cho rằng người học không phải bản ngữ vốn quen với dạng tiếng Anh viết chuẩn và ngôn ngữ mang tính học thuật thường gặp khó khăn khi tiếp xúc với cách nói thông tục của người bản ngữ. Thực tế cho thấy sinh viên thường được rèn luyện kỹ năng nghe thông qua các tài liệu được biên soạn phục vụ mục đích giảng dạy, trong đó ngôn ngữ đã được đơn giản hóa và hạn chế sử dụng các yếu tố ngữ pháp cũng như từ vựng mang tính khẩu ngữ. Hơn nữa, phần lớn sinh viên không chuyên tiếng Anh đã học ngoại ngữ này với giáo viên không phải người bản xứ từ bậc trung học, do đó họ thường gặp nhiều trở ngại khi nghe các đoạn hội thoại mang tính tự nhiên của người bản ngữ (xem Bảng 4).

Bảng 4. Những trở ngại trong quá trình nghe hiểu bắt nguồn từ nội dung của tài liệu nghe

Tài liệu nghe gây khó khăn cho người học	M	SD
Tài liệu nghe chứa nhiều từ vựng, biệt ngữ và thành ngữ mà người học chưa quen thuộc.	3,51	0,80
Nội dung trong các tệp âm thanh hoặc video thường được trình bày bằng những cấu trúc ngữ pháp phức tạp, gây khó khăn cho việc hiểu nghĩa trọn vẹn.	3,10	0,76
Các đoạn ghi âm bao gồm cả hình thức độc thoại và hội thoại, làm tăng mức độ khó trong việc theo dõi và nắm bắt thông tin.	2,72	0,74
Độ dài của các tệp âm thanh hoặc video vượt quá khả năng tập trung của người nghe, khiến việc tiếp nhận thông tin trở nên kém hiệu quả.	2,41	0,78
Lượng thông tin được trình bày trong bản ghi âm quá nhiều, khiến người nghe gặp tình trạng quá tải trong quá trình tiếp nhận, xử lý và ghi nhớ nội dung.	2,93	0,86
Sự xuất hiện của các tạp âm hoặc yếu tố gây nhiễu trong quá trình ghi âm làm giảm khả năng tập trung và hiểu nội dung bài nghe.	2,79	0,78
	2,91	0,78

(Nguồn: Kết quả khảo sát do tác giả thực hiện 2024)

4.5. Việc nghe hiểu gặp trở ngại do các yếu tố của môi trường bên ngoài

Bảng 5. Nghe hiểu gặp trở ngại do các yếu tố của môi trường bên ngoài

Môi trường xung quanh gây khó khăn cho người học	M	SD
Trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho việc học nghe chưa đảm bảo chất lượng.	1,81	0,77
Tiếng ồn từ môi trường xung quanh làm giảm khả năng tập trung của người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin.	2,71	0,79
Không gian lớp học quá rộng khiến việc nghe và tiếp nhận âm thanh trở nên kém hiệu quả.	2,02	0,69
Sĩ số lớp học quá đông làm hạn chế cơ hội luyện nghe và giảm khả năng tập trung của người học.	2,32	0,71
	2,21	0,74

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2024)

Kết quả trong Bảng 5 cho thấy rằng một số khó khăn thường gặp trong quá trình nghe hiểu xuất phát từ các yếu tố môi trường xung quanh. Trong đó, đáng chú ý nhất là tiếng ồn từ môi trường, yếu tố làm giảm khả năng tập trung của người nghe trong quá trình tiếp nhận thông tin ($M = 2,71$). Ngược lại, yếu tố có mức độ ảnh hưởng thấp nhất là sĩ số lớp học đông, khiến người học có ít cơ hội luyện nghe và khó duy trì sự tập trung ($M = 2,32$). Nhìn chung, mặc dù điều kiện vật chất có tác động nhất định đến hiệu quả tiếp nhận thông tin khi nghe tiếng Anh, song mức độ ảnh hưởng này không đáng kể. Qua quan sát thực tế tại lớp học, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng trong quá trình sinh viên luyện nghe tiếng Anh, tiếng ồn từ hành lang bao gồm tiếng nói chuyện và di chuyển của các sinh viên khác khá lớn, gây ảnh hưởng đáng kể đến sự tập trung và hiệu quả tiếp nhận bài nghe. Phòng văn sinh viên năm thứ hai N.T.P. cho biết: “Trong quá trình học nghe tiếng Anh, đôi lúc âm thanh từ tiếng đi lại ở hành lang, tiếng loa phát thanh, tiếng tàu điện cao tốc ảnh hưởng đến quá trình nghe âm thanh phát ra từ bài nghe”. Qua đây cho thấy, giáo viên và nhà trường cần có sự quan tâm giảm tiếng ồn từ môi trường bên ngoài, như thay cửa kính có mức độ cách âm cao nhằm cải thiện khả năng tiếng Anh của sinh viên.

5. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung khảo sát mức độ thường xuyên mà sinh viên năm thứ hai Khoa Công nghệ Hóa - Đại học Công nghiệp Hà Nội gặp phải các dạng khó khăn khác nhau trong quá trình nghe hiểu tiếng Anh. Đối với các yếu tố xuất phát từ người nói, sinh viên chủ yếu gặp trở ngại trong việc nhận diện các từ đơn khi chúng bị nối âm, nuốt âm hoặc được phát với tốc độ nhanh. Ngược lại, phần lớn sinh viên cho biết họ ít gặp khó khăn trong việc nhận biết các từ hoặc cụm từ mang chức năng chuyển ý trong câu. Xét về các yếu tố thuộc về bản thân người học, đa số sinh viên thừa nhận rằng khả năng phát âm còn hạn chế và thói quen nghe chưa hiệu quả là hai nguyên nhân chính ảnh hưởng đến hiệu quả nghe hiểu. Ngoài ra, việc tài liệu nghe chứa nhiều từ vựng ít quen thuộc, đặc biệt là biệt ngữ và thành ngữ, cùng với lượng thông tin quá lớn trong bản ghi âm cũng được xem là những yếu tố gây cản trở đáng kể. Cuối cùng, các yếu tố môi trường bên ngoài được đánh giá là có mức độ ảnh hưởng thấp và không tác động đáng kể đến quá trình nghe hiểu của sinh viên trong mẫu khảo sát.

Đề nâng cao năng lực nghe hiểu tiếng Anh cho sinh viên năm thứ hai Khoa Công nghệ Hóa - Đại học Công nghiệp Hà Nội, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp mang tính hệ thống. Trước hết, sinh viên cần được tăng cường tiếp xúc với các nguồn tài liệu nghe xác thực như podcast (nội dung âm thanh hoặc kèm hình ảnh được phát hành trực tuyến), bản tin, bài giảng học thuật và phim ảnh, nhằm giúp người học làm quen với ngữ điệu, tốc độ và giọng nói tự nhiên của người bản ngữ. Bên cạnh đó, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên vận dụng các chiến lược nghe hiệu quả, bao gồm dự đoán nội dung, xác định ý chính, suy luận nghĩa dựa trên ngữ cảnh và ghi chép thông tin cốt lõi trong quá trình nghe. Phát triển nhận thức ngữ âm, đặc biệt là rèn luyện các hiện tượng nối âm, nuốt âm và đồng hóa, có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ người học nhận diện từ vựng chính xác hơn trong lời nói tự

nhiên. Đồng thời, việc cải thiện kỹ năng phát âm và nói thông qua các hoạt động đọc nhại hoặc luyện nói thường xuyên giúp sinh viên nâng cao khả năng cảm nhận âm thanh, từ đó góp phần tăng cường hiệu quả nghe hiểu. Song song với đó, việc xây dựng môi trường học tập mang tính tương tác cao thông qua các hoạt động nhóm, thảo luận hoặc đóng vai sẽ khuyến khích hứng thú học tập và phát huy tính chủ động của người học. Việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học cũng đóng vai trò thiết yếu, chẳng hạn thông qua việc sử dụng các phần mềm và nền tảng trực tuyến có hệ thống bài luyện nghe phân cấp, phản hồi tức thời và cho phép người học tự học linh hoạt. Ngoài ra, nhà trường cần đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị nghe nhìn đạt chuẩn, đồng thời hạn chế tiếng ồn trong lớp học để tạo môi trường nghe tối ưu. Cuối cùng, việc khuyến khích sinh viên phát triển năng lực tự học, xác lập mục tiêu luyện nghe cá nhân, thường xuyên tự đánh giá tiến độ và duy trì thói quen luyện nghe ngoài giờ học chính khóa sẽ góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, A., & Lynch, T. (2022), *Listening*. New York: Oxford University Press.
2. Azmi, B. M., Celik, B., Yidliz, N., & Tugrul, M. C. (2014), Listening comprehension difficulties encountered by students in second language learning class. *Journal of Educational and Instructional Studies in the World*, 4(4), 1-6.
3. Brown, A. L. (1992), Design experiments: Theoretical and methodological challenges in creating complex interventions in classroom settings. *Journal of the Learning Sciences*, 2, 141-178. Retrieved from http://dx.doi.org/10.1207/s15327809jls0202_2.
4. Buck, G. (2001), *Assessing listening*. Cambridge: Cambridge University Press. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.1017/CBO9780511732959>.
5. Chen, Y. (2005), Barriers to acquiring listening strategies for EFL learners and their pedagogical implications. *The Electronic Journal for English as a Second Language*, 8(4), 1-19.
6. Chetchamlong, S. (1987), *Problems in teaching English listening of teachers in Government secondary schools in Chon Buri*. Bangkok: Thesis Kasetsart University.
7. Flowerdew, J., & Miller, L. (2013), Narrative inquiry in a second language context: Stories from Hong Kong. In G. Barkhuizen (Ed.), *Narrative research in applied linguistics* (pp. 41–61). Cambridge University Press.
8. Hasan A. S. (2010), Learners' perceptions of listening comprehension problems. *Language, Culture and Curriculum*, 13(2), 137-153.
9. Hayati, A. (2010), The effect of speech rate on listening comprehension of EFL. *Creative Education*, 107-114.
10. Hamouda (2013), An Exploration of Causes of Saudi Students' Reluctance to Participate in the English Language Classroom, *International Journal of English Language Education*, ISSN 2325-0887.
11. Mackey, A., & Gass, S. M. (2005), *Second language research: Methodology and design*. Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum.
12. Naizhao, G., & Wills, R. (2006), An investigation of factors influencing English listening comprehension and possible measures for improvement. *AER Journal*, 4 (2). pp. 109-114. ISSN 24091294.
13. Paran, A. (1996), Reading in EFL. Facts and Fiction. *ELT Journal*, 50(1), 25-34. <https://doi.org/10.1093/elt/50.1.25>.
14. Pica, T., Young, R., & Doughty, C. (1987), The impact of interaction on comprehension. *TESOL Quarterly*, 21, 737-758. Retrieved from doi:10.2307/3586992.
15. Richards, J. C. (1983), Listening comprehension: Approach, design, procedure. *TESOL quarterly*, 17, 219-240.
16. Rost, M. (2011), *Teaching and researching listening* (2nd ed.). Pearson Education.

17. Rubin, J. & Thompson, I. (1994), *How to be a more successful language learner: Toward learning autonomy*. MA: Heinle & Heinle publishers.
18. Seferoglu, G., & Uzakgoren, S. (2004), Equipping learners with listening strategies in English language classes. *Hacettepe University Faculty of Educational Journal*, 27, 223-231.
19. Taguchi, N. (2008), The effect of working memory, semantic access, and listening abilities on the comprehension of conversational implicatures in L2 English. *Pragmatics and Cognition*, 16, 517-538.
20. Vandergrift, L. (2007), Recent developments in second and foreign language listening comprehension research. *Language Teaching*, 40(3), 191-210. <https://doi.org/10.1017/S0261444807004338>.
21. Vogely, A. (1998), Perceived strategy use during performance on three authentic listening tasks. *The Modern Language Journal*, 79(1), 41-56.
22. Yagang, F. (1993), Listening: Problems and solutions. In *English Teaching Forum*, 31(2), 16-19.

**Difficulties in listening comprehension skills of second-year non-English major students:
a case study**

Abstract: This study was conducted to identify the main difficulties encountered by students in the process of English listening comprehension. The survey was carried out with 286 second-year students from the Faculty of Chemical Technology at Hanoi University of Industry. The results revealed that the factor “the presence of many unfamiliar words, jargon, and idiomatic expressions” was the greatest obstacle to students’ English listening comprehension. In addition, the factors “inaccurate pronunciation” and “inability to recognize individual words when connected or elided sounds occur” were also found to significantly affect learners’ listening ability. Conversely, the factor “poor-quality equipment and facilities” was rated as having the least impact. Based on these findings, the study proposes several solutions to improve the English listening comprehension skills of second-year students in the Faculty of Chemical Technology at Hanoi University of Industry.

Key words: Listening comprehension difficulties; Students; Non-major English; Faculty of Chemical Technology; Hanoi University of Industry.